TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2019
V/v:*"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **17** tháng **6** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 50/2019/TLST–HNGĐ ngày 21/3/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐHPTST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **NVT,** sinh năm 1976.

HKTT: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 07, đường B, phường N, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**** Bị đơn:*** Chị **NTP**, sinh năm 1976.

HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh NVT và chị NTP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh NVT trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và chị NTP kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà tôi tại huyện Chương Mỹ. Chúng tôi sinh sống với bố mẹ một thời gian rồi chuyển ra ở riêng tại diện tích đất của

bố mẹ tôi. Quá trình chung sống với nhau, do chúng tôi không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống nên năm 2000, tôi bỏ vào miền Nam làm ăn, vợ chồng không chung sống với nhau từ đó đến nay. Về cuộc sống chung vợ chồng tôi khi tôi còn ở nhà thì chị P luôn so sánh tôi với những người khác trong gia đình vì tôi làm mộc không kiếm ra tiền. Chính vì vậy, tôi phải đi xa để làm ăn nhưng do làm ăn cũng khó khăn nên tôi tiếp tục ở lại để tìm kiếm cơ hội nhưng không có kết quả.

Nay tôi thấy tình cảm không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị P để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là NTL, sinh ngày 22/12/1997 và NAT, sinh ngày 30/12/2000. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Tôi không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn – Chị NTP trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh NVT kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh T tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Chúng tôi sống với bố mẹ chồng một thời gian khoảng 02 năm thì vợ chồng chuyển ra ở riêng ở thửa đất bên cạnh của gia đình anh T. Quá trình chung sống với nhau chúng tôi chung sống bình thường, không có gì mâu thuẫn. Năm 2000, khi tôi đang mang thai cháu thứ hai thì anh T vào miền Nam làm ăn, tôi ở nhà một mình sinh con thứ hai và nuôi 02 cháu ăn học trưởng thành cho đến nay. Khi anh T xa nhà thì một vài năm mới về thăm nhà một lần, lần lâu nhất là 4 – 5 năm mới về. Anh T đi làm xa thì khi anh T về mới cho tiền các con một vài triệu chứ không phải là gửi hàng tháng hay gửi thường xuyên về cho tôi nuôi dạy các con. Tôi ở nhà một mình, ngoài việc làm ruộng tôi phải đi phụ hồ, gánh gạch và làm mọi việc để kiếm tiền nuôi hai con ăn học cho đến hôm nay. Anh T đi xa, bố mẹ chồng tôi sống bên cạnh, tôi phận làm con dâu không có mâu thuẫn gì với bố mẹ chồng. Nay anh T xin ly hôn tôi không đồng ý vì khi anh T xa nhà, một mình tôi đã nuôi con 19 năm. Ngoài nuôi con, việc đối nhân xử thế trong gia đình cũng do một mình tôi lo liệu. Nay anh T muốn ly hôn với tôi để chung sống với người khác tôi không đồng ý vì tôi muốn các con tôi tuy không được bố chăm sóc ngày nào nhưng các cháu cần có bố.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là NTL, sinh ngày 22/12/1997 và NAT, sinh ngày 30/12/2000. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần nên không yêu cầu giải quyết. Các cháu hiện đang ở cùng tôi.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh NVT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị NTP; về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết. Chị P giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Anh NVT và chị NTP đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVT và cho anh NVT được ly hôn chị NTP; Về con chung: 02 con chung là chị NTL, sinh ngày 22/12/1997 và anh NAT, sinh ngày 30/12/2000 đều đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét; *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Anh NVT và chị NTP không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. *Về án phí:* Anh NVT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NTP hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NVT và chị NTP kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ tháng 01/1996 nên hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị P có bất đồng quan điểm sống do không hợp nhau và một phần do khó khăn về kinh tế. Năm 2000, anh T đã vào miền Nam làm ăn và hiện anh T đang sinh sống và làm ăn tại Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay. Việc anh T đi vào Miền Nam làm ăn từ năm 2000 cho đến nay chị NTP thừa nhận. Theo chị P, từ khi anh T đi làm ăn thì thỉnh thoảng anh T mới về thăm nhà, có khi 04 đến 05 năm anh T mới về thăm nhà một lần, trong thời gian đó một mình chị ở nhà gánh vác công việc gia đình và nuôi dạy các con khôn lớn nên nay anh T xin ly hôn thì chị P không đồng ý vì chị vẫn yêu thương anh T và không muốn các con phải buồn khi bố mẹ ly hôn.

Giữa anh NVT và chị NTP ly thân đã một thời gian dài (19 năm), hai bên không còn quan tâm đến nhau, nay anh T cương quyết xin ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc xây dựng hạnh phúc gia đình cần có sự đồng lòng từ hai phía (anh T và chị P); giữa anh T và chị P đã ly thân 19 năm và không còn quan tâm đến nhau. Tuy mâu thuẫn vợ chồng không có xô xát và to tiếng với nhau vì sống xa nhau về khoảng cách địa lý, nhưng việc gần 20 năm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVT và cho anh T được ly hôn chị NTP để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: Anh NVT và chị NTP có 02 con chung là chị NTL, sinh ngày 22/12/1997 và anh NAT, sinh ngày 30/12/2000. Cả 02 con chung đều đang ở cùng với chị P và đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Anh NVT và chị NTP đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh NVT và chị NTP đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh NVT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh NVT được ly hôn chị NTP.

2. Về con chung: Không xem xét.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh NVT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh NVT đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003878 ngày 20/3/2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh NVT và chị NTP có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Hữu Trọng	**Nguyễn Thị Thanh Hà**
	Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**